

Số: 137 /VD-VTTBYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

V/v mời chào giá các mặt hàng các vật tư
dùng trong phẫu thuật tim mạch- lồng
ngực năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp trang thiết bị y tế.

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức đang có nhu cầu mua sắm các vật tư dùng trong phẫu thuật tim mạch- lồng ngực năm 2024, để có cơ sở tham khảo giá các trang thiết bị y tế trên thị trường, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp chào giá vật tư.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; Số 40 - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội đến trước 9h00' ngày 22 tháng 01 năm 2024 để Bệnh viện tổng hợp. Thông tin cần giải đáp xin liên hệ: Nguyễn Minh Tuấn (0918230896);
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; Số 40 - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
 - Nhận qua Email: vietduchospitalmuasam@gmail.com.
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00' ngày 12 tháng 01 năm 2024 đến trước 9h00' ngày 22 tháng 01 năm 2024 ⁽²⁾

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày kết thúc nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

(Đính kèm theo phụ lục 01 của thông báo này)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: tại Kho Kỹ thuật cao - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 24h kể từ khi có yêu cầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Căn cứ vào số lượng gọi hàng, Bên Bán (Bên B) thực hiện việc xuất hóa đơn thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, giao cho Bên A làm cơ sở để thanh toán, thời gian thanh toán tối đa 90 ngày kể từ khi Bên B cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định cho bên A.

5. Các thông tin khác (nếu có).

o Đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP; Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.

- o Bảng chào giá (theo mẫu đính kèm tại phụ lục 02 của công văn này);
- o Niêm yết giá (Nếu có)
- o Hợp đồng mua bán các thiết bị tương tự (nếu có);
- o Catalog, hợp đồng tương tự, cấu hình và tính năng kỹ thuật của vật tư và các tài liệu khác liên quan (nếu có);

Ghi chú:

(1) Trường hợp đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để đăng tải Yêu cầu báo giá.

Việc điền các thông tin trong Yêu cầu báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Yêu cầu báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chủ đầu tư phải đính kèm theo file "Bảng mô tả", trong đó phải nêu đầy đủ các thông tin để nhà thầu làm cơ sở báo giá như mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Trường hợp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia triển khai được tính năng gửi và nhận yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thì hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư (không gửi báo giá theo các cách thức nêu tại khoản 3 Mục 1 của Mẫu này); sau thời hạn tiếp nhận báo giá, hãng sản xuất, nhà cung cấp không thể gửi được báo giá lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nội dung tại khoản 3 Mục 1 của Mẫu này được chỉnh sửa như sau:

"3. Cách thức tiếp nhận báo giá: hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Các báo giá gửi theo đường bưu điện, Fax, email hoặc các cách thức khác sẽ không được xem xét".

Kết thúc thời hạn tiếp nhận báo giá, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để lấy thông tin báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

(2) Thời gian tiếp nhận báo giá tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải hoặc gửi yêu cầu báo giá. Ngày cuối cùng tiếp nhận báo giá không được trùng với ngày nghỉ làm việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- CTXH (Để đăng tải);
- Lưu VT, VT-TBYT.



TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ- THIẾT BỊ Y TẾ



★ **Hoàng Bảo Anh**



PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 137/VĐ-VTTBYT ngày 12 tháng 01 năm 2024)

Hà nội, ngày tháng năm 2024

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (Chưa bao gồm VAT)	Thuế VAT (%)	Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..... ngày.... tháng.... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu ghi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 1.2.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải giữ kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gọi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 01

(Đinh kèm thông báo mời chào giá các vật tư dùng trong phẫu thuật tim mạch- lồng ngực năm 2024 ngày 12 Tháng 01 Năm 2024)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
1	Bộ tim phổi nhân tạo, có phủ chất tương thích sinh học, tích hợp phân lọc dòng máu (lọc khí) cho người lớn	Bộ	200	- Thể tích dịch máu: 260ml ($\pm 10\%$) - Lưu lượng máu tối đa ≥ 6000ml/phút - Thể tích bình chứa tối đa ≥ 4500ml - Bộ dây dẫn máu tim phổi hoàn chỉnh đồng bộ với phổi - Kèm theo sơ đồ thiết kế dây dẫn bộ dây dẫn theo yêu cầu chuyên môn - Thể tích dịch máu có tối thiểu 2 mức: 45ml ($\pm 10\%$) và 260ml ($\pm 10\%$) - Lưu lượng máu tối đa ≥ 1500ml/phút - Thể tích bình chứa tối đa ≥ 1000ml - Bộ dây dẫn máu tim phổi hoàn chỉnh đồng bộ với phổi - Bao gồm các phụ kiện hỗ trợ gây mê, chạy máy tim phổi: bóng đo áp lực, các dây đo áp lực nối với máy và bệnh nhân - Kèm theo sơ đồ thiết kế dây dẫn bộ dây dẫn theo yêu cầu chuyên môn
2	Bộ tim phổi nhân tạo, có phủ chất tương thích sinh học, tích hợp phân lọc dòng máu (lọc khí), dùng cho tất cả các hạng cân	Bộ	300	- Thể tích dịch máu: 260ml ($\pm 10\%$) - Lưu lượng máu tối đa ≥ 4500ml - Lưu lượng máu trao đổi từ: 1000 - 7000 ml/phút - Lọc khí, các thành phần không mong muốn xuất hiện trong quá trình mổ - Bộ dây dẫn máu tim phổi hoàn chỉnh đồng bộ với phổi, có 2 quả bóng đo áp lực - Bao gồm các phụ kiện hỗ trợ gây mê, chạy máy tim phổi: bóng đo áp lực, các dây đo áp lực nối với máy và bệnh nhân - Kèm theo sơ đồ thiết kế dây dẫn bộ dây dẫn theo yêu cầu chuyên môn
3	Bộ tim phổi nhân tạo, có phủ chất tương thích sinh học, tích hợp phân lọc dòng máu (lọc khí, các thành phần không mong muốn xuất hiện trong quá trình mổ), dùng cho người lớn	Bộ	350	- Thể tích dịch máu: 260ml ($\pm 10\%$) - Lưu lượng máu trao đổi từ: 1000 - 7000 ml/phút - Lọc khí, các thành phần không mong muốn xuất hiện trong quá trình mổ - Bộ dây dẫn máu tim phổi hoàn chỉnh đồng bộ với phổi, có 2 quả bóng đo áp lực - Bao gồm các phụ kiện hỗ trợ gây mê, chạy máy tim phổi: bóng đo áp lực, các dây đo áp lực nối với máy và bệnh nhân - Kèm theo sơ đồ thiết kế dây dẫn bộ dây dẫn theo yêu cầu chuyên môn
4	Bộ Cannulae đóng mạch đùi (bao gồm cả Guidewire, nòng mạch) dùng trong mổ tim nội soi người lớn	Bộ	10	- Cannulae đóng mạch đùi dùng trong phẫu thuật tim nội soi, phẫu trường nhỏ. - Đường kính ngoài có tối thiểu các cỡ 19Fr, 23Fr - Độ dài hiệu dụng ≥ 40 cm - Kèm cả Bộ Guidewire dài ≥ 100 cm, Bộ nòng mạch có tối thiểu các cỡ 12Fr và 20Fr, kim cỡ 18 Ga
5	Cannulae truyền dịch liệt tim dùng trong mổ nội soi tim	Cái	50	- Cannulae truyền dịch liệt tim góc đóng mạch chủ dùng trong mổ tim phẫu trường nhỏ có hỗ trợ nội soi - Độ dài hiệu dụng ≥ 30 cm - Đầu cannulae có tối thiểu các cỡ 7Fr, 9Fr
6	Bộ Cannulae tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong mổ tim nội soi người lớn	Bộ	60	- Cannulae tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong phẫu thuật tim nội soi - Phẫu trường nhỏ có tối thiểu đường kính có 23Fr/25Fr - Độ dài hiệu dụng ≥ 70 cm
7	Cannulae đóng mạch người lớn dùng cho dây xoắn tăng cường các loại	Cái	450	- Cannulae đóng mạch đầu cong, thẳng, có cổ khâu và có dây xoắn tăng cường - Cổ đầu cannula từ 18Fr đến 24Fr - Độ dài hiệu dụng ≥ 17 cm - Cút nối có 3/8 inches
8	Cannulae truyền dịch liệt tim (Cardioplegia Cannulae) đặt vào động mạch chủ người lớn các loại	Cái	500	- Cannulae liệt tim góc đóng mạch chủ, có đường hút lại - Đường kính có tối thiểu các cỡ 7Fr, 9Fr - Độ dài hiệu dụng ≥ 13 cm
9	Cannulae tĩnh mạch thẳng người lớn có dây xoắn tăng cường các cỡ	Cái	450	- Cannulae tĩnh mạch đầu thẳng, có dây xoắn tăng cường - Đường kính cannulae từ 26Fr đến 32Fr - Cút nối có 3/8 inches - Độ dài hiệu dụng ≥ 38 cm
10	Cannulae truyền liệt tim các loại đặt vào động mạch vành	Cái	550	- Cannulae liệt tim là động mạch vành: có đầu gấp góc khoảng 90 độ ($\pm 5\%$) hoặc khoảng 135 độ ($\pm 5\%$) - Đường kính đầu từ 9Fr đến 15Fr - Độ dài hiệu dụng ≥ 140 mm - Đầu ra kết nối bằng cút nối có khóa
11	Cannulae dẫn lưu tim trái có guidewire người lớn các cỡ	Cái	550	- Cannulae dẫn lưu tim trái kèm guidewire - Đường kính cannulae có tối thiểu các cỡ 16Fr, 18Fr kết nối bằng cút nối có 1/4 inches - Độ dài hiệu dụng ≥ 35 cm - Cannulae đóng mạch đùi/ tĩnh mạch cánh có cổ thành mỏng và thân chống xoắn - Đường kính cannulae các cỡ từ 15Fr đến 20Fr - Có vòng kim giúp cố định cannulae, cút nối 3/8 inches - Chiều dài cannulae ≥ 30cm - Độ dài đầu tip ≥ 18cm
12	Cannulae đóng mạch đùi các cỡ	Cái	60	- Cannulae đóng mạch đầu cong các cỡ đầu nối 3/8 inches đầu vát, thân thuận dài, có vạch đánh dấu hướng vát của đầu - Đường kính có tối thiểu các cỡ 20Fr, 22Fr - Chiều dài ≥ 25cm
13	Cannulae đóng mạch đầu cong các cỡ	Cái	20	- Cannulae tĩnh mạch có đầu cong kim loại, đầu vát, có nhiều lỗ và thân chống xoắn, cút kết nối 3/8 inches - Đường kính cannulae từ 12Fr đến 24Fr - Chiều dài ≥ 35cm
14	Cannulae tĩnh mạch đầu sắt, gấp góc các cỡ	Cái	450	- Cannulae tĩnh mạch 2 tầng, đầu có lỗ bên, có wire chống xoắn và marker đánh dấu độ sâu - Đường kính cannulae có tối thiểu các cỡ 28/36 Fr, 32/40 Fr, 34/46 Fr - Đầu kết nối 3/8 inches hoặc 1/2 inches - Chiều dài ≥ 35cm
15	Cannulae tĩnh mạch 2 tầng các cỡ	Cái	100	- Gồm 3 đường: bơm bóng, truyền dịch và đường đo áp lực, kim loại mềm, dùng cho người lớn - Đường kính cannulae có tối thiểu cỡ 15Fr - Chiều dài ≥ 30cm
16	Cannulae truyền liệt tim ngược dòng động mạch vành	Cái	60	- Sử dụng để thay đoạn quai động mạch chủ - Chất liệu: Sợi tổng hợp PE hoặc tương đương có tâm chít chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương) - Hình dạng: mạch có 4 nhánh - Đoạn mạch chính đường kính nằm trong khoảng từ 22mm đến 34 mm - Chiều dài mạch chính ≥ 40cm - Chiều dài mạch nhánh ≥ 15cm
17	Mạch máu nhân tạo 4 nhánh, tâm chít chống thấm, đường kính các cỡ	Cái	50	- Sử dụng để thay đoạn động mạch chủ bụng chủ - Chất liệu: Sợi tổng hợp PE hoặc tương đương có tâm chít chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương) - Hình dạng: chữ Y có 2 nhánh - Chiều dài ≥ 40cm - Đường kính có tối thiểu các cỡ 12mmx6mm, 14mmx7mm, 16mmx8mm, 18mmx9mm, 20mmx10mm, 22mmx11mm, 24mmx12mm
18	Mạch máu nhân tạo chữ Y tâm chít chống thấm các cỡ	Cái	150	- Sử dụng để thay đoạn động mạch chủ bụng chủ - Chất liệu: Sợi tổng hợp PE hoặc tương đương có tâm chít chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương) - Hình dạng: chữ Y có 2 nhánh - Chiều dài ≥ 40cm - Đường kính có tối thiểu các cỡ 12mmx6mm, 14mmx7mm, 16mmx8mm, 18mmx9mm, 20mmx10mm, 22mmx11mm, 24mmx12mm
19	Mạch máu nhân tạo chữ Y chất liệu Polyester phủ chất chống thấm dài 40cm, đường kính các cỡ	Cái	150	- Chất liệu: Polyester, Sợi fabric hoặc tương đương phủ chất chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương) - Chiều dài ≥ 40cm - Đường kính có tối thiểu các cỡ: 14mmx7mm, 16mmx8mm, 18mmx9mm, 20mmx10mm

PHỤ LỤC 01
(Đính kèm thông báo mời chào giá các vật tư dùng trong phẫu thuật tim mạch - lồng ngực năm 2024 ngày 12 Tháng 01 Năm 2024)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
20	Mạch máu nhân tạo chủ Y có trắng bạc dài 40cm, đường kính các cổ, có lớp phủ tự tiêu	Cái	30	- Mạch nhân tạo chủ Y có trắng bạc - Chiều dài ≥ 40cm - Đường kính cổ tối thiểu các cổ: 16mmx8mm, 18mmx7mm, 20mmx10mm - Sử dụng để tái cấu trúc gốc phẫu vùng gốc động mạch chủ trong kỹ thuật Bentall
21	Mạch máu nhân tạo động mạch chủ	Cái	30	- Mạch máu nhân tạo chủ làm 3 đoạn, đoạn cổ dài ≥ 10mm, đoạn phình dài từ 16mm đến 34mm, đường kính tổng từ 21mm đến 44mm và đoạn thân chính có chiều dài ≥ 15 cm - Đường kính đoạn thân chính nằm trong khoảng từ 16mm đến 34mm
22	Mạch máu nhân tạo tổng có trắng bạc dài 60 cm, đường kính các cổ từ 6mm đến 8 mm	Cái	30	- Mạch nhân tạo tổng có trắng bạc dài ≥ 60cm - Đường kính cổ tối thiểu các cổ 6mm, 8mm.
23	Mạch máu nhân tạo tổng tâm thất chống thấm, đường kính (22-24mm)	Cái	50	- Chất liệu: Polyester, Sợi fabric hoặc tương đương làm chất chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương) - Ông mạch nhân tạo dài ≥ 25cm - Đường kính cổ tối thiểu các cổ 22mm, 24mm
24	Mạch máu nhân tạo tổng tâm thất chống thấm, đường kính (26-28mm)	Cái	150	- Chất liệu: Polyester, Sợi fabric hoặc tương đương làm chất chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương) - Ông mạch nhân tạo dài ≥ 25 cm - Đường kính cổ tối thiểu các cổ 26mm, 28mm
25	Mạch máu nhân tạo tổng tâm thất chống thấm, chiều dài khoảng từ 12 cm đến 50 cm, đường kính các cổ	Cái	50	- Sử dụng để thay đoạn động mạch chủ ngực hoặc nhánh quai - Chiều dài ≥ 12 cm - Đường kính từ ≤ 16 mm đến ≥ 38 mm - Chất liệu: Sợi fabric hoặc tương đương, làm chất chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương)
26	Mạch máu nhân tạo tổng, chiều dài khoảng 60cm, đường kính các cổ	Cái	300	- Chất liệu: Polyester, Sợi fabric hoặc tương đương phủ chất chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương) - Chiều dài ≥ 60 cm - Đường kính từ 6 mm đến 8 mm
27	Mạch máu nhân tạo đoạn quai động mạch chủ kèm đoạn stent graft động mạch chủ xuống có trắng chất chống thấm	Bộ	70	- Mạch gồm 2 phần. Phần mạch máu nhân tạo thay cho quai động mạch chủ (có hoặc không có 3 nhánh lên cho các động mạch nhánh), phần stent graft để điều trị đoạn động mạch chủ xuống - Đường kính trong của đoạn mạch máu nhân tạo nằm trong khoảng từ ≤ 22mm đến ≥ 32mm. - Đường kính stent graft nằm trong khoảng từ ≤ 24mm đến ≥ 40mm. - Chiều dài stent graft ≥ 100mm. - Có trắng chất chống thấm.
28	Mạch máu nhân tạo đoạn quai động mạch chủ kèm đoạn stent graft động mạch chủ xuống	Bộ	20	- Mạch gồm 2 phần. Phần mạch máu nhân tạo thay cho quai động mạch chủ (có hoặc không có 3 nhánh lên cho các động mạch nhánh), phần stent graft để điều trị đoạn động mạch chủ xuống - Đường kính trong của đoạn mạch máu nhân tạo nằm trong khoảng từ ≤ 22mm đến ≥ 32mm. - Đường kính stent graft nằm trong khoảng từ ≤ 24mm đến ≥ 40mm. - Chiều dài stent graft ≥ 100mm.
29	Miếng và nhân tạo kích thước 4cmx5cm, phủ lớp chống thấm	Miếng	60	- Kích thước: 4cmx5cm - Chất liệu: Polyester-urethane hoặc tương đương - Lớp phủ chống thấm, có tính đàn hồi
30	Miếng và sinh học có 4cmx4cm	Miếng	30	- Chất liệu: màng ngoài tim bò - Tương thích sinh học - Độ dày từ 0.25mm đến 0.75mm ($\pm 5\%$)
31	Miếng và chống dính tổng hợp tự tiêu sử dụng trong phẫu thuật tim có 100mmx130mmx0,02mm	Miếng	30	- Chất liệu: Polymer hoặc tương đương, tự tiêu - Kích cỡ khoảng: 100mmx130mmx0.02mm ($\pm 5\%$) - Duy trì độ bền cơ học khoảng 8 tuần sau phẫu thuật - Đông gột diệt trùng
32	Miếng và chống dính tổng hợp tự tiêu sử dụng trong phẫu thuật tim có 130mmx200mmx0,02mm	Miếng	30	- Chất liệu: Polymer hoặc tương đương, tự tiêu - Kích cỡ khoảng: 130mmx200mmx0.02mm ($\pm 5\%$) - Duy trì độ bền cơ học khoảng 8 tuần sau phẫu thuật - Đông gột diệt trùng
33	Van động mạch chủ có gắn đoạn mạch có đoạn phình khúc Valsalva	Cái	60	- Ông van động mạch chủ bao gồm một van động mạch chủ và mạch ghép - Van động mạch chủ cơ học kèm đoạn mạch - Kích thước van động mạch chủ nằm trong khoảng từ 21mm đến 29mm - Kích thước đường kính ống mạch nằm trong khoảng từ 24mm đến 34mm - Chiều dài ống mạch: ≥ 10cm - Ông mạch nhân tạo có đoạn phình khúc xoang Valsalva - Mạch ghép làm từ polyester hoặc tương đương làm chất chống thấm (Gelatin hoặc Collagen hoặc tương đương)
34	Van động mạch chủ cơ học, van hai cánh, không phát ra tiếng ồn khi hoạt động	Cái	150	- Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ - Thiết kế kiểu van dạng Supra-annular - Kích thước van nằm trong khoảng từ 16mm đến 26mm - Không phát ra tiếng ồn khi hoạt động - Chất liệu carbon nhiệt tính khiết hoặc tương đương - Góc mở là van tối thiểu 90 độ ($\pm 5\%$)
35	Van động mạch chủ cơ học, van hai cánh, chống pannus	Cái	200	- Dây ra dạng ống lọc giúp quản lý dòng chảy, ngăn ngừa sự xâm lấn của mô - Vòng khâu làm bằng Polytetrafluorethylene hoặc tương đương, 3 dạng vòng khâu: vòng khâu chuẩn, vòng khâu thích nghi hoặc vòng khâu gấp khúc - Độ chênh áp thấp: ≤ 10 mmHg - Kích thước van nằm trong khoảng từ ≤ 19mm đến ≥ 29mm - Chống pannus
36	Van động mạch chủ cơ học, van hai cánh, vòng van uốn dẻo khi vành van	Cái	200	- Thiết kế loại khả năng huyết động khi duy trì tỉ lệ bền cơ thấp, độ đồng nhất về cấu trúc cũng như độ bền - Cánh van mở rộng tới 85 độ ($\pm 5\%$) cho phép cải thiện dòng chảy và giảm dòng xoay - Vòng van dễ uốn, ôm khít vành van của bệnh nhân - Có tính cân bằng để nhìn thấy khi chụp X-Quang, cho phép chụp cộng hưởng từ - Kích thước van nằm trong khoảng từ ≤ 17mm đến ≥ 29 mm
37	Van động mạch chủ cơ học, van hai cánh, khung làm từ Titanium, có thiết kế ngội trên lỗ van	Cái	150	- Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ có cánh van làm từ Pyrolytic Carbon hoặc tương đương, góc mở từ 76 độ đến 80 độ - Khung van ngội làm từ Pyrolytic Carbon hoặc tương đương, khung bên trong được làm bằng Titanium hoặc tương đương - Van động mạch chủ có thiết kế ngội trên lỗ van - Kích thước van nằm trong khoảng từ ≤ 19mm đến ≥ 27mm
38	Van hai lá cơ học, không phát ra tiếng ồn khi hoạt động	Cái	200	- Van tim nhân tạo cơ học van hai lá - Van động mạch chủ nằm trong khoảng từ ≤ 24mm đến ≥ 36mm - Không phát ra tiếng ồn khi hoạt động

Chức

PHỤ LỤC 01
(Đính kèm thông báo mời chào giá các vật tư dùng trong phẫu thuật tim mạch - lồng ngực năm 2024 ngày 12 Tháng 01 Năm 2024)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
39	Van hai lá cơ học, van hai cánh phủ carbon	Cái	200	- Là van làm bằng chất liệu Pyrolytic carbon hoặc tương đương tăng khả năng kháng tạo huyết khối - Cánh van mở rộng khoảng 85 độ ($\pm 5\%$) - Tự động xoay vào vị trí tối ưu - Tương thích với môi trường công hưởng từ. - Kích thước van nằm trong khoảng từ $\leq 19\text{mm}$ đến $\geq 33\text{mm}$
40	Van hai lá cơ học, van hai cánh, khung làm từ Titanium, có thể sử dụng ở tất cả các vị trí thay van	Cái	200	- Van tim nhân tạo cơ học hai lá có cánh van làm từ Pyrolytic Carbon hoặc tương đương, góc mở khoảng 78 độ ($\pm 5\%$) - Khung van ngoài làm từ Pyrolytic Carbon hoặc tương đương - Khung van trong được làm bằng Titanium hoặc tương đương - Van hai lá được thiết kế có thể đặt ở bất cứ vị trí nào trên lá van (Supra-Annular, Intra-Annular, Sub-Annular) - Kích thước van nằm trong khoảng từ $\leq 23\text{mm}$ đến $\geq 33\text{mm}$
41	Van hai lá cơ học, van hai cánh chống pannus	Cái	200	- Góc mở lá van khoảng 90 độ ($\pm 5\%$) - Dầu ra dạng lỏng giúp quản lý dòng chảy, ngăn ngừa sự xâm lấn của mô - Độ chênh áp thấp $\leq 5\text{mmHg}$ - Kích thước van nằm trong khoảng từ $\leq 23\text{mm}$ đến $\geq 33\text{mm}$ - Chống pannus
42	Van động mạch chủ sinh học từ màng tim bò, cấu tạo không có kim loại	Cái	30	- Van động mạch chủ sinh học làm từ màng ngoài tim bò - Thiết kế có vành van nằm trên vòng van của cơ thể (supra-annular) - Là van gắn bên trong giảm thiểu tiếp xúc với khung - Sử dụng công nghệ để giảm thiểu vật hóa là van - Khung polymeric polyetheretherketone với bất cân quang barium sulfate chắc chắn và linh hoạt, chống biến dạng vĩnh viễn - Thành phần cấu tạo Non-metallic - Được thiết kế đạt 100% độ co áp - Ba lá van màng ngoài tim bò được cắt bằng laser phù hợp với độ dày và độ lệch cho hiệu suất nhất quán - Kích thước van nằm trong khoảng từ $\leq 19\text{mm}$ đến $\geq 27\text{mm}$
43	Van hai lá sinh học làm từ van tim lợn các cỡ	Cái	150	- Van được sản xuất từ van tim lợn - Mức độ thoái hóa van thấp, có độ bền cao và dễ dàng thay van - Thiết kế van Supra-annular - Có điểm bất cân quang - Van sinh học hai lá có kích cỡ trong khoảng từ $\leq 25\text{mm}$ đến $\geq 33\text{mm}$
44	Van động mạch chủ sinh học làm từ van tim lợn các cỡ	Cái	150	- Van được sản xuất từ van tim lợn - Mức độ thoái hóa van thấp, có độ bền cao và dễ dàng thay van - Thiết kế van Supra-annular - Có điểm bất cân quang - Van sinh học động mạch chủ có kích cỡ trong khoảng từ $\leq 21\text{mm}$ đến $\geq 29\text{mm}$
45	Van động mạch chủ sinh học có lá van bằng màng ngoài tim bò	Cái	150	- Van tim động mạch chủ sinh học, lá van được làm bằng màng ngoài tim bò - Van động mạch chủ có đánh dấu vị trí - Có kích thước trong khoảng từ $\leq 19\text{mm}$ đến $\geq 29\text{mm}$
46	Van hai lá sinh học có lá van bằng màng ngoài tim bò, có phủ chất tương thích sinh học	Cái	150	- Van tim hai lá loại sinh học, lá van được làm bằng màng ngoài tim bò. - Van hai lá được phủ chất tương thích sinh học - Có kích thước trong khoảng từ $\leq 19\text{mm}$ đến $\geq 33\text{mm}$
47	Van động mạch chủ sinh học là van bằng van tim lợn vòng van mềm	Cái	150	- Van được xử lý với công nghệ để giải quyết tình trạng canxi hóa van tim - Van tim làm từ van tim lợn - Vòng van mềm, được cấu tạo bởi lõi chất dẻo học ngoài bằng vật liệu sinh học - Vòng van có đánh dấu để định vị van vào tim khi khâu van - Có tính cân quang để nhìn thấy khi chụp X - Quang - Van động mạch chủ có kích thước trong khoảng từ $\leq 19\text{mm}$ đến $\geq 29\text{mm}$
48	Van hai lá sinh học là van bằng van tim lợn gắn với màng tim bò	Cái	50	- Van được xử lý với công nghệ để giải quyết tình trạng canxi hóa van tim - Van tim làm từ van tim lợn - Vòng van mềm, được cấu tạo bởi lõi chất dẻo học ngoài bằng vật liệu sinh học - Vòng van có đánh dấu để định vị van vào tim khi khâu van - Có tính cân quang để nhìn thấy khi chụp X - Quang - Van hai lá có kích thước trong khoảng từ $\leq 25\text{mm}$ đến $\geq 33\text{mm}$
49	Van động mạch chủ sinh học có khung mềm	Cái	50	- Khung van được làm từ vật liệu tổng hợp mềm (có thể uốn) bọc bằng lớp vải polyester - Chênh áp qua van $\leq 5\text{mmHg}$ - Với van động mạch chủ có thể đặt cả vị trí intra-annular hoặc supra-annular - Van động mạch chủ kích thước trong khoảng từ $\leq 19\text{mm}$ đến $\geq 29\text{mm}$
50	Van hai lá sinh học có khung mềm	Cái	50	- Van tim sinh học làm từ van tim lợn - Khung van được làm từ vật liệu tổng hợp mềm (uốn dẻo) bọc bằng lớp vải polyester - Chênh áp qua van $\leq 5\text{mmHg}$ - Van hai lá kích thước trong khoảng từ $\leq 25\text{mm}$ đến $\geq 33\text{mm}$
51	Van động mạch chủ sinh học từ màng ngoài tim bò, 3 lá van riêng biệt	Cái	60	- Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương - Công nghệ chống vôi hóa là van bằng xử lý nhiệt kết hợp với glutaraldehyde và polysorbate-80 hoặc tương đương - Vòng khung có thể mở rộng bằng bóng - Vòng khâu van có dấu, dấu 3 vị trí giữa các lá van - Độ van mỏng, chiều cao van thấp tối thiểu ≤ 13 tới đa $\geq 18\text{mm}$. - Đường kính trong của van chỉ nhỏ hơn cỡ van 1mm - Kích cỡ tối đa $\leq 29\text{mm}$
52	Van hai lá sinh học từ màng ngoài tim bò, 3 lá van riêng biệt, cấu trúc khung bất đối xứng	Cái	60	- Van hai lá sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương - Cấu trúc dây van cong kiểu yên ngựa, khung bất đối xứng với phần phía lá trước dày hơn, phần phía lá sau mỏng - Công nghệ chống vôi hóa là van bằng xử lý nhiệt kết hợp với glutaraldehyde và polysorbate-80 hoặc tương đương - Có cơ chế thu gọn tự van, tránh vướng chui, và dễ dàng clip ghép - Tru van mỏng gọn, chiều cao $\leq 8.5\text{mm}$, tránh ảnh hưởng đường rãnh thất trái. - Kích cỡ tối đa $\leq 33\text{mm}$
53	Van động mạch chủ sinh học màng ngoài tim bò, 3 lá van riêng biệt, khung van có thể mở rộng	Cái	10	- Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương - Khung dạng thanh trượt có thể mở rộng bằng bóng - Có van được khắc trên khung, hiện thị rõ trên nền X - quang - Là van được bảo quản khô, tránh vật hóa, và không cần rửa lá van - Kích cỡ tối đa $\leq 29\text{mm}$

Trần

PHỤ LỤC 01

(Đính kèm thông báo mời chào giá các vật tư dùng trong phẫu thuật tim mạch-lồng ngực năm 2024 ngày 12 Tháng 01 Năm 2024)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
54	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại bán cứng, vòng hở bất đối xứng	Cái	50	Vòng van nhân tạo con hình yên ngựa, phù hợp với giải phẫu tự nhiên của van hai lá, vừa có tác dụng định hình, tránh giãn rộng vòng van, vừa giúp van chuyển động linh hoạt. - Vòng van mở có thể bảo tồn được hình dạng tự nhiên của van 2 lá
55	Vòng van tim nhân tạo ba lá loại bán cứng, vòng mở	Cái	100	Vòng van nhân tạo khung lược sóng 3D, chất liệu titanium hoặc tương đương - Có đánh dấu vị trí nếp trước - sau và nếp sau - vách - Cấu trúc vòng mở ở nếp trước vách của lá van - Kích thước tối thiểu gồm các cỡ 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36 (mm)
56	Vòng van tim nhân tạo hai lá, ba lá, vòng hở loại mềm các cỡ	Cái	12	Vòng van mềm, loại hở, dùng cho cả vị trí 2 lá và 3 lá - Vòng van có thể di chuyển theo hình khuyên, có thể điều chỉnh để khớp với vòng van của bệnh nhân - Vòng van có thể cắt để tương thích với kích thước vòng van bệnh nhân - Kích thước vòng van nằm trong khoảng từ $\leq 25\text{mm}$ đến $\geq 35\text{mm}$
57	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại nửa cứng, nửa mềm tương thích sinh học	Cái	120	Vòng van hai lá loại nửa cứng nửa mềm, lõi được làm bằng hợp kim Nickel-Titanium, khung được làm từ sợi PET được phủ chất tương thích sinh học - Kích thước vòng van nằm trong khoảng từ $\leq 24\text{mm}$ đến $\geq 38\text{mm}$
58	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại nửa cứng nửa mềm dùng trong mô nôi soi, phẫu thuật trường nhỏ	Cái	120	Vòng van tim hai lá nửa cứng nửa mềm 3D lõi bằng hợp kim titan, vòng van bằng silicone, khung van bằng sợi polyester phủ chất tương thích sinh học - Kích thước vòng van nằm trong khoảng từ $\leq 24\text{mm}$ đến $\geq 38\text{mm}$
59	Vòng van tim nhân tạo ba lá, vòng hở loại mềm có phủ chất tương thích sinh học	Cái	50	Vòng van ba lá loại mềm (uốn dẻo), cấu trúc vòng hở, có lõi bằng vật liệu tổng hợp được phủ cân quang và chất tương thích sinh học - Có đánh dấu định vị khi khâu - Kích thước vòng van có các kích thước trong khoảng từ $\leq 28\text{mm}$ đến $\geq 36\text{mm}$
60	Vòng van hai lá nhân tạo 3D các cỡ	Cái	90	Vòng van hai lá nhân tạo với thiết kế vòng cứng 3D dạng hình yên ngựa không đối xứng, thiết kế có độ cong lên khoảng 25% ($\pm 5\%$) ở phía trước và khoảng 15% ($\pm 5\%$) ở phía sau - Vòng chứa lõi titan được bao phủ bằng silicone và bọc bên ngoài bởi vải polyester - Kích thước vòng van nằm trong khoảng từ $\geq 24\text{mm}$ đến $\geq 40\text{mm}$ Vòng van ba lá nhân tạo với thiết kế vòng cứng 3D dựa trên hình dáng tự nhiên trên dữ liệu cấu trúc của vòng van ba lá
61	Vòng van ba lá nhân tạo 3D các cỡ	Cái	60	- Thiết kế vòng van hỗ trợ cấu hình giúp tránh tác động lên vòng dẫn truyền điện tim - Vòng chứa lõi titan được bao phủ bằng silicone và bọc bên ngoài bởi vải polyester - Kích thước vòng van nằm trong khoảng từ $\geq 26\text{mm}$ đến $\geq 36\text{mm}$
62	Keo sinh học hai thành phần 10ml	Tuyp	100	- Là loại keo chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) và glutaraldehyde - Glutaraldehyde được hấp thụ hoàn toàn trong quá trình polymer hóa - Bịt kín khe hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm. - Chịu được áp lực $\geq 450\text{mmHg}$ - Thời gian: $\geq 10\text{ml}$ - Xylan hai nồng độ
63	Keo sinh học hai thành phần 5ml	Tuyp	450	- Là loại keo chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) và glutaraldehyde - Glutaraldehyde được hấp thụ hoàn toàn trong quá trình polymer hóa - Bịt kín khe hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm. - Chịu được áp lực $\geq 450\text{mmHg}$ - Thời gian: $\geq 5\text{ml}$ - Keo có độ bền và độ bám dính tối ưu. - Xylan hai nồng độ
64	Miếng bành bọc phẫu trường dùng trong phẫu thuật nội soi tim	Cái	300	- Miếng bành bọc phẫu trường làm bằng Silicone hoặc tương đương, định hình trong phẫu thuật, sử dụng trong phẫu thuật tim phẫu trường nhỏ, phẫu thuật nội soi - Đường kính vòng trên từ 60mm đến 120mm - Đường kính vòng dưới từ 70mm đến 130mm - Đường kính lòng bành từ 70mm đến 120mm
65	Bộ dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu mô mềm kèm chốt titan thắt chỉ (Bộ combo dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại Mimi kèm dụng cụ nạp chốt titan)	Chiếc	200	Bộ dụng cụ cấp tiếp trùng bao gồm: Dụng cụ thắt - cắt chỉ khâu có núm xoay với: - Chiều dài làm việc: $\geq 17\text{cm}$ - Đường kính vôi: $\geq 4\text{mm}$ Dụng cụ nạp chốt titan với: - Chốt có dạng nằm lồi từ chất liệu titan vôi - Tay cầm công đầu tròn - Một battery - Sử dụng kết hợp với chỉ khâu polyester để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật chung và phẫu thuật tim mạch
66	Chốt titan thắt chỉ cấy ghép vĩnh viễn trong cơ thể (Dụng cụ nạp chốt titan vào dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu)	Cái	1000	Dụng cụ nạp chốt titan bao gồm: - Chốt có dạng nằm lồi từ chất liệu titan vôi - Tay cầm công đầu tròn - Một battery - Sử dụng kết hợp với chỉ khâu polyester để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật chung và phẫu thuật tim mạch
67	Bộ đầu đốt đơn cực và lưỡng cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Bộ	100	Bộ dụng cụ phẫu thuật đốt rung nhĩ (AF) đơn cực và lưỡng cực sử dụng sóng cao tần với nước tưới IRF có dây truyền dịch dài $\geq 300\text{cm}$.
68	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Cái	100	Bộ dụng cụ phẫu thuật đốt rung nhĩ (AF) đơn cực sử dụng sóng cao tần với nước tưới IRF có dây truyền dịch dài $\geq 300\text{cm}$, đầu đốt bằng thép không gỉ có thể uốn cong bọc silicone dài khoảng 8.0 cm ($\pm 5\%$) hoặc dài khoảng 20.0cm ($\pm 5\%$)
69	Dụng cụ phẫu thuật sử dụng sóng cao tần điều trị rung nhĩ loại lưỡng cực	Cái	100	- Bộ dụng cụ phẫu thuật đốt rung nhĩ (AF) lưỡng cực sử dụng sóng cao tần với nước tưới IRF có dây truyền dịch dài $\geq 300\text{cm}$ - Phần hãm có thể bị đứt, dài từ 5cm đến 7cm, có độ co thắt *hàng 300 độ ($\pm 5\%$)
70	Tay dao mổ điện (dùng 1 lần)	Cái	3000	- Đầu điện cực phủ lớp polymer Elastomeric hoặc tương đương - Chiều dài dây $\geq 3\text{m}$
71	Ghim khâu da tự động 35 mũi	Cái	100	- Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương nơ sản 35 mũi trong tổng ghim - Sử dụng để khâu da, đóng vết mổ tự động - Kèm theo cả bộ tháo ghim - Đóng gói riêng biệt
72	Quả lọc máu dùng cho máy lọc máu nhân tạo	Quả	1000	- Mạng lọc chất liệu Polyethersulfone hoặc Polysulfone hoặc tương đương - Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12 - Diện tích màng lọc: $\leq 1\text{m}^2$ - Thể tích dịch máu: từ 45ml đến 137ml - Áp lực tối đa: $\leq 500\text{mmHg}$ - Dây dẫn kèm theo túi đựng chất thải

Zach

PHỤ LỤC 01
(Đính kèm thông báo mời chào giá các vật tư dùng trong phẫu thuật tim mạch - tổng hợp năm 2024 ngày 12 Tháng 01 Năm 2024)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
73	Bộ đo bão hòa oxy não	Bộ	200	- Sử dụng cho bệnh nhân có trọng lượng ≥ 40 kg. - Bước sóng: 04 - Độ chính xác của xu hướng ISO2: 3% - Độ chính xác của bão hòa oxy mô ISO2 tuyệt đối: 4% - Nhiệt độ môi trường hoạt động: từ 40 đến 104°F (5 đến 40°C) - Sử dụng với thiết bị theo dõi khí máu CDI trong quá trình nuôi hoàn toàn tim phổi ngoài cơ thể để theo dõi liên tục
74	Cảm biến theo dõi liên tục đường động mạch trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cái	600	- Hemoglobin, hematocrit máu, SpO2 - Tương thích với model Terumo CDI 101 có tại viện - Không chứa cao su, tương thích sinh học, có lỗ nano trên bề mặt chip.
75	Chân sưởi ấm bệnh nhân	Cái	200	- Kích thước $\geq 140\text{cm} \times 110\text{cm}$ - Sử dụng 1 lần, giữ hơi ấm
76	Bộ kim chỉ khâu dây chằng van 2 lá	Cái	50	- Chỉ khâu dây chằng suture van hai lá không tan, chất liệu ePTFE. Bộ dây chằng nhân tạo có 3 vòng lặp sẵn gồm 3 sợi đôi độc lập (có vòng lặp với chiều dài có định 12, 16, 20, và 24mm hoặc không có vòng lặp) được để khâu vào lá van. 1lai miếng gạc pledget kích thước $3 \times 7 \times 1,85\text{mm}$, chất liệu PTFE
77	Thanh nâng ngực	Cái	580	- Chất liệu hợp kim tương thích sinh học (*). Có khắc chữ dài ngay trên thanh. Đầu thanh được bo tròn, ở giữa có đục lỗ và 2 cạnh có khía răng cưa. Chính giữa thanh có dấu đánh dấu để uốn thanh chính xác, mép thanh cân. Tối thiểu gồm các cỡ: từ ≤ 8 đến ≥ 17 inch
78	Nẹp xương sườn uốn sẵn loại 16 lỗ kèm theo vít (*)	Cái	100 (Nep)	- Chất liệu hợp kim tương thích sinh học (*), thiết kế phù hợp cho xương sườn, uốn sẵn, loại 16 lỗ, lỗ bắt vít có ren chừa trong nếp
79	Nẹp xương sườn uốn sẵn loại 24 lỗ kèm theo vít (*)	Cái	100 (Nep)	- Chất liệu hợp kim tương thích sinh học (*), thiết kế phù hợp cho xương sườn, uốn sẵn, loại 24 lỗ, lỗ bắt vít có ren chừa trong nếp
80	Vít tự khóa tương thích với nẹp xương sườn	Cái	2000	- Dùng cho nẹp xương sườn stt 78,79. Chất liệu titanium, loại tự khoan tự tạc, thiết kế vít có khóa, dài từ ≤ 7 đến $\geq 15\text{mm}$
81	Dụng cụ khâu cắt tự động (Stapler)	Tay rung	300	- Chiều dài trục từ ≤ 60 mm đến ≥ 160 mm - Có khả năng gấp góc tối đa $\geq 45^\circ$ mỗi bên, tối thiểu 10 điểm gấp góc
82	Stapler mạch máu loại 45mm	Băng	500	- Băng ghim kèm lưỡi dao tương thích với dụng cụ khâu cắt tự động stt 81 - Chất liệu titanium - Chiều dài 45mm - Có 3 hàng ghim so le mỗi bên, chiều cao từ trong ra ngoài tương ứng: 2mm-2,5mm-3mm (sai số $\pm \leq 5\%$)
83	Stapler khí - phế quản - nhu mô phổi loại 45mm, 60 mm	Băng	650	- Băng ghim kèm lưỡi dao tương thích với dụng cụ khâu cắt tự động stt 81 - Chất liệu titanium - Chiều dài từ 45mm, 60mm - Có 3 hàng ghim so le mỗi bên, chiều cao từ trong ra ngoài tương ứng: 3mm-3,5mm-4mm (sai số $\pm \leq 5\%$)
84	Băng ghim gấp góc cắt mô 60mm dùng cho mô rất dày	Băng	50	- Băng ghim kèm lưỡi dao tương thích với dụng cụ khâu cắt tự động stt 81 - Chất liệu titanium - Chiều dài 60mm - Có 3 hàng ghim so le mỗi bên, chiều cao từ trong ra ngoài tương ứng: 4mm-4,5mm-5mm (sai số $\pm \leq 5\%$)
85	Đệm PTFE tăng cường thành động mạch	Cái	300	- Đệm có tác dụng đệm tăng cường thành mạch khi thực hiện các phẫu thuật bóc động mạch chủ. Chất liệu: PTFE - Felt. Kích thước $152\text{mm} \times 12,7\text{mm} \times 1,6\text{mm}$ (sai số $\pm \leq 5\%$)
86	Chỉ điện cực tạm thời	Sợi	2000	- Sợi chỉ bằng dây dẫn điện có bọc cách điện, một đầu gắn với kim thẳng dùng để khâu qua mô, da ra ngoài, một đầu có gắn với kim cong dùng để khâu vào cơ tim. Loại chỉ này dùng làm điện cực tạm thời trong phẫu thuật tim hở
87	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp	Cái	100	- Chất liệu PTFE. Có vòng xoắn, chiều dài gồm tối thiểu hai loại 40cm, 50cm, đường kính từ $\leq 5\text{mm}$ đến $\geq 8\text{mm}$
88	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng làm cầu nối thận nhân tạo	Cái	30	- Chất liệu PTFE, dài 40 cm (sai số $\pm \leq 5\%$), 1 đầu đường kính 6mm (sai số $\pm \leq 5\%$), 1 đầu đường kính 4mm (sai số $\pm \leq 5\%$)
89	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ loại không cần khâu	Cái	30	- Van tim sinh học động mạch chủ các cỡ, loại không cần khâu (Sutureless) có cánh van làm bằng màng ngoài tim bò. Khung van làm từ hợp kim titan hàn. Đường kính thành lỗ van 19-21mm, 21-23mm, 23-25mm, 25-27mm.